



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM



Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 164-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 11/09/2024

Trang 1/1

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC SÂN BAY

Vị trí lấy mẫu : Nhà máy nước Sân Bay

Ngày lấy mẫu : 04/09/2024

Tuần : 36

Tháng: 09/2024

Ngày nhận mẫu : 04/09/2024

Ký hiệu mẫu : 164-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Phạm Thị Thúy

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	mg/l Pt	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=2)	≤15	Từ ngày 04/09/2024 đến 11/09/2024
2	Mùi, vị	-	Cảm quan (*)	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	1,05	≤2	
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,86	6,0-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/l	TCVN 6224:1996	57	≤300	
6	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	TCVN 6194:1996	102,5	≤300	
7	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996	< 0,030 (MQL)	≤0,3	
8	Mangan (Mn)	mg/l	TCVN 6002:1995	KPH (MDL=0,012)	≤0,1	
9	Nitrit (NO <sub>2</sub> - tính theo N)	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL=0,005)	≤0,05	
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> - tính theo N)	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,25	≤2	
11	Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	14,6	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,63	≤2	
13	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	<3 <sup>(a)</sup>	
14	E.Coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	<1 <sup>(a)</sup>	
15	Clo dư tự do	mg/l	PP so màu orthotolidine (*)	0,50	0,2 - 1,0	04/09/2024

**\* Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 164/LAB ngày 04/09/2024.
- Tiêu chuẩn theo QCDP 01:2024/TPĐN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành và QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành <sup>(a)</sup> đơn vị tính theo CFU/100ml).
- Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

(\*): Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(s) : Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

**\* Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu hóa kiểm tra đều đáp ứng yêu cầu giới hạn cho phép theo QCDP 01:2024/TPĐN do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành và QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN PHƯỚC THƯỜNG**

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

**PHẠM VIỆT HÙNG**